

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NỘI THẤT THIÊN AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NỘI THẤT THIÊN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702864447

**3. Ngày thành lập:** 26/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tờ số 20 thửa số 1015 Đường 24, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                        | 4390        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành điện, nước; Bán buôn phương tiện – vật tư – máy móc – thiết bị phục vụ ngành giao thông vận tải và ngành xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng cơ khí | 4659        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                                | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng                                                                                                                                                    | 4663        |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4752        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất                                                                                                                                                                                       | 7410(Chính) |
| 9.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị ngành cơ khí                                                                                                   | 7730        |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                               | 2592        |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                             | 3312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3320                                                         |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101                                                         |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Nạo vét kênh mương, sông, cảng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299                                                         |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311                                                         |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312                                                         |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321                                                         |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322                                                         |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn đấu thầu; Thẩm tra thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình; Thẩm tra thiết kế nội ngoại thất công trình; Thẩm tra dự toán công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ) | 7110                                                         |
| 22. | “ Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG THỊ THUỶ TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/06/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 321449433

Ngày cấp: 15/10/2007

Nơi cấp: Công An Tỉnh Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Hậu 2, Xã Tân Trung, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Tân Hậu 2, Xã Tân Trung, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương